

**BẢNG TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ ĐỂ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG
THỰC HIỆN CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG HUYỆN 191Q ĐOẠN QUA
XÃ QUANG TRUNG, TIỀN ĐỘNG (NAY LÀ XÃ LẠC PHƯỢNG) VÀ XÃ NGUYỄN GIÁP (ĐỢT 1)**

(Kèm theo Quyết định số: 463/QĐ-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chủ tịch UBND xã)

TT	Họ và tên	Thông tin thửa đất				Kinh phí bồi thường, hỗ trợ (đồng)				
		Số tờ	Số thửa	Loại đất hiện tại	Diện tích hiện tại (m ²)	Đất	Tài sản, vật kiến trúc	Cây cối, hoa màu	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh	Tổng cộng kinh phí bồi thường, hỗ trợ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11=7+8+9+10
1	Nguyễn Anh Tác	84	489	CLN	7,8	-	68.369.000	400.000	-	68.769.000
2	Đặng Văn Công	100	159	CLN	7,8	-	11.112.000	-	-	11.112.000
3	Nguyễn Thị Sắc	99	93	ONT	12,5	-	70.961.000	-	-	70.961.000
4	Phạm Thị Dương	99	84	ONT	9,6	-	29.644.000	-	-	29.644.000
5	Phùng Văn Thuận	99	318	CLN	0,5	-	34.195.000	3.911.000	-	38.106.000
		99	319	CLN	0,9					
		99	311	ONT	3,0					
6	Nguyễn Văn Nhiên	99	79	CLN	59,7	-	40.332.000	13.032.000	-	53.364.000
7	Phùng Đức Quang	99	77	CLN	23,3	-	88.255.000	12.343.000	-	100.598.000
8	Đình Văn Chi	99	344	CLN	6,2	-	2.409.000	3.183.000	-	5.592.000
9	Phùng Thị Nhất	99	347	CLN	9,1	-	39.148.000	2.402.000	-	41.550.000
		99	23	CLN	7,4					
10	Nguyễn Đức Cẩm	99	59	ONT	22,0	-	64.544.000	3.191.000	-	67.735.000
				CLN	4,0					
11	Đặng Khánh Ngà	99	57	ONT	35,3	-	349.766.000	1.805.000	-	351.571.000
12	Đặng Văn Chinh (Ma Thị Quỳ)	99	56	CLN	15,7	-	19.347.000	-	-	19.347.000
13	Nguyễn Văn Hiếu	99	47	CLN	6,7	-	53.923.000	-	-	53.923.000
14	Nguyễn Ngọc Chương	99	46	CLN	25,6	-	79.194.000	6.781.000	-	85.975.000

TT	Họ và tên	Thông tin thửa đất				Kinh phí bồi thường, hỗ trợ (đồng)				
		Số tờ	Số thửa	Loại đất hiện tại	Diện tích hiện tại (m ²)	Đất	Tài sản, vật kiến trúc	Cây cối, hoa màu	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh	Tổng cộng kinh phí bồi thường, hỗ trợ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11=7+8+9+10
15	Phạm Quang Thực	99	45	CLN	17,7	-	106.050.000	1.300.000	-	107.350.000
16	Lương Văn Phong	99	44	CLN	13,9	-	28.873.000	1.555.000	-	30.428.000
17	Nguyễn Đức Kỳ	98	9	CLN	17,0	-	13.008.000	9.424.000	-	22.432.000
18	Nguyễn Văn Dụ	99	50	CLN	12,8	-	218.472.000	2.240.000	-	220.712.000
19	Nguyễn Văn Bình	98	1	CLN	25,6	-	224.190.000	-	4.000.000	228.190.000
20	Nguyễn Văn Nghiệp	98	178	CLN	15,1	-	41.294.000	7.563.000	-	48.857.000
21	Phùng Văn Hiến	98	5	CLN	16,7	-	19.993.000	5.739.000	-	25.732.000
22	Phạm Thị Đà	98	179	CLN	9,3	-	31.265.000	950.000	-	32.215.000
23	Nguyễn Văn Nghị	98	180	ONT	20,8	-	126.043.000	2.865.000	-	128.908.000
24	Phạm Văn Khiêm	99	9	ONT	2,4	-	145.662.000	-	-	145.662.000
25	Đinh Ngọc Hoan	99	94	ONT	7,1	-	196.705.000	-	-	196.705.000
26	Phùng Văn Phương	99	88	ONT	10,1	-	138.908.000	-	-	138.908.000
27	Nguyễn Văn Hiến	99	351	CLN	30,0	-	278.712.000	-	-	278.712.000
28	Lương Văn Ty	99	240	CLN	11,8	-	34.939.000	38.000	-	34.977.000
29	Lâm Văn Hoàng	99	2	ONT	15,0	-	170.495.000	-	-	170.495.000
30	Lương Thị Hương	99	5	ONT	3,9	-	142.520.000	-	-	142.520.000
31	Nguyễn Công Vinh	98	38	CLN	103,2	-	38.779.000	1.793.000	-	40.572.000
32	Nguyễn Văn Thông	99	24	CLN	15,9	-	207.277.000	1.555.000	-	208.832.000
33	Nguyễn Ngọc Cây	99	339	ONT	14,7	-	263.223.000	-	-	263.223.000
34	Nguyễn Văn Thanh	98	172	CLN	32,7	-	245.574.000	1.555.000	-	247.129.000
35	Nguyễn Mạnh Hùng	99	341	CLN	23,9	-	61.738.000	-	-	61.738.000
36	Nguyễn Văn Bình	99	298	CLN	15,2	-	100.772.000	-	-	100.772.000

TT	Họ và tên	Thông tin thửa đất				Kinh phí bồi thường, hỗ trợ (đồng)				
		Số tờ	Số thửa	Loại đất hiện tại	Diện tích hiện tại (m ²)	Đất	Tài sản, vật kiến trúc	Cây cối, hoa màu	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh	Tổng cộng kinh phí bồi thường, hỗ trợ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11=7+8+9+10
37	Lâm Xuân Tăng	84	485	CLN	40,0	-	111.392.000	8.235.000	-	119.627.000
38	Lương Văn Phái	99	10	CLN	30,1	-	115.612.000	590.000	-	116.202.000
		99	85	CLN	11,4	-	45.050.000	-	-	45.050.000
		99	4	CLN	28,5	-	11.839.000	1.866.000	-	13.705.000
39	Phùng Văn Dự	99	321	CLN	10,0	-	6.219.000	-	-	6.219.000
40	Đình Xuân Chương	99	8	CLN	35,8	-	22.915.000	9.586.000	-	32.501.000
Tổng					847,7	0	4.252.862.000	104.860.000	4.000.000	4.361.722.000
<i>Bằng chữ: Bốn tỷ ba trăm sáu mươi một triệu bảy trăm hai mươi hai nghìn đồng chẵn.</i>										